



Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường trung học phổ thông huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Phạm Trường Khánh

Trường THPT Hùng Vương, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 13/10/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 25/12/2024

Ngày nhận đăng: 27/12/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Quản lý;

Hoạt động;

Giáo dục hướng nghiệp;

Học sinh;

Trung học phổ thông.

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp (GDHN) cho học sinh (HS) ở các trường trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Để thu thập dữ liệu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với 65 cán bộ quản lý và 140 giáo viên tại 3 trường THPT tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả cho thấy, nhìn chung, thực trạng quản lý HĐGDHN cho HS ở các trường THPT phổ biến ở mức độ “thường xuyên” thực hiện và hiệu quả ở mức “khá”. Trong đó, chỉ có quản lý điều kiện tổ chức GDHN cho HS đạt ĐTB về hiệu quả cao hơn so với mức độ thực hiện. Ngược lại, việc quản lý các thành tố còn lại có ĐTB về hiệu quả thấp hơn so với mức độ thực hiện. Kết quả này chứng tỏ rằng, vẫn còn những hạn chế, bất cập trong quản lý hoạt động GDHN cho HS ở các trường THPT trên địa bàn. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động GDHN cho HS tại các trường THPT, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với đặc điểm của nhà trường, nhu cầu hướng nghiệp của HS, cũng như yêu cầu về nguồn nhân lực của xã hội, nhằm tối ưu hóa hiệu quả và ý nghĩa của công tác quản lý hoạt động GDHN.

1. MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của xã hội hiện đại ngày nay, toàn nhân loại đứng trước những biến đổi sâu sắc như: sự tiến bộ như vũ bão cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; sự hình thành nền kinh tế tri thức; xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế mang lại nhiều cơ hội phát triển vượt bậc về mọi mặt, tuy nhiên cũng đối mặt với những thách thức mang tính toàn cầu, trong đó các nền kinh tế, lợi thế cạnh tranh lớn nhất không phải tài nguyên, công nghệ mà là con người. Vì vậy, để bảo đảm phát triển bền vững, nhiều quốc gia trên thế giới đã không ngừng đổi mới giáo dục để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Trần, 2017). Nghề nghiệp là vấn đề quan trọng đối với sự phát triển cá nhân và có ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Lựa chọn nghề nghiệp là một trong những quyết định quan trọng nhất mà mọi người đưa ra trong suốt cuộc đời, có ý nghĩa lâu dài đối với lối sống, tình cảm, tình trạng kinh tế - xã hội của cá nhân, cũng như ý thức về hiệu suất cá nhân và đóng góp cho xã hội (Trần, 2024). Đối với HS, việc ra quyết định nghề nghiệp là một quá trình đa chiều và phức tạp (Gati et al., 2012; Trần, 2024), vì vậy, GDHN là nội dung giáo dục quan trọng để HS chuẩn bị tốt hơn cho cuộc sống sau khi tốt nghiệp THPT cũng như chuyển tiếp sang tuổi trưởng thành và trở thành lực lượng lao động trong xã hội (Ado, 2018). Trong đó, GDHN là hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình, trong đó tập thể sư phạm nhà trường giữ vai trò quyết định nhằm giúp HS chọn nghề trên cơ sở khoa học (Đặng 2010; Nguyễn & Nguyễn, 2006); cung cấp cho HS những kiến thức, kỹ năng và nhận thức cần thiết trong thế giới việc làm, để HS nhận thức được những gì mình có và yêu cầu trong nghề nghiệp mà một người lựa chọn phù hợp với sở thích, khả năng (Herr & Cramer, 1996).

Tác giả liên hệ: Phạm Trường Khánh;

Địa chỉ e-mail: phamtruongkhanh@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.142.2025>

Sự phát triển kinh tế - xã hội đặt ra yêu cầu nền giáo dục Việt Nam phải tạo ra lớp người lao động mới có khả năng làm chủ được khoa học - công nghệ hiện đại. Nghị quyết số 29-NQ/TW đã khơi nguồn đổi mới cho sự phát triển giáo dục Việt Nam, trong đó nhấn mạnh “*đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS* (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, khóa XI, 2013). Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT) ở nước ta được ban hành đã tạo ra bước đi mới bằng những đổi mới toàn diện chương trình theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS; có ý thức lựa chọn nghề nghiệp và học tập suốt đời (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Theo đó, công tác GDHN, định hướng phân luồng HS có vai trò quan trọng, là một hoạt động không thể thiếu được ở các trường THPT nhằm giúp HS nâng cao sự hiểu biết về nghề nghiệp và chính bản thân HS để có thể định hướng đúng đắn và đưa ra quyết định chọn ngành, chọn nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực quốc gia, hội nhập khu vực và quốc tế (Chính phủ, 2018). Mục tiêu không chỉ đơn thuần là hướng nghiệp cá nhân mà còn là sự đóng góp vào sự phân phối công bằng và hiệu quả của nguồn nhân lực để phục vụ cho sự phát triển toàn diện của kinh tế - xã hội (Nguyễn, 2017; Đặng, 2010).

Quản lý hoạt động GDHN cho HS ở trường THPT là tổng thể tác động có tổ chức, có mục đích của chủ thể quản lý nhà trường đối với hoạt động GDHN thông qua việc thực hiện các nội dung quản lý, bằng những phương pháp mang tính đặc thù được đặt điều kiện cụ thể nhằm đạt được mục tiêu hướng nghiệp, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS THPT, hướng đến phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của địa phương và đất nước. Quản lý hoạt động GDHN là nhiệm vụ được các cấp quản lý hết sức quan tâm và chỉ đạo thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường nói chung và đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong hoạt động GDHN nói riêng (Trần & Tô, 2023). Công tác GDHN, phân luồng HS trong nhà trường THPT đã được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên của các cấp quản lý giáo dục; bước đầu đã có sự phối hợp giữa nhà trường, doanh nghiệp, chuyên gia trong tư vấn hướng nghiệp cho HS góp phần tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học, gia đình và xã hội đối với việc chọn nghề, chọn ngành, huy động ngày càng nhiều số lượng HS sau phổ thông tham gia thị trường lao động (Bùi, 2009). Tuy vậy, công tác quản lý hoạt động GDHN ở trường phổ thông nói chung còn gặp nhiều lúng túng, khó khăn trong quản lý thực hiện nội dung, hình thức, phương pháp; phối hợp các lực lượng giáo dục, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động còn hạn chế; nhận thức của một bộ phận giáo viên, HS và phụ huynh chưa đầy đủ (Bùi, 2023) dẫn đến hiệu quả quản lý chưa cao.

Để đánh giá khách quan về thực trạng quản lý hoạt động GDHN cho HS huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, tạo cơ sở thực tiễn để đề xuất biện pháp quản lý mang tính tính cấp thiết, khả thi và có thể áp dụng hiệu quả trong thực tiễn quản lý hoạt động GDHN cho HS THPT trên địa bàn, nghiên cứu tập trung khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GDHN cho HS trên các phương diện: Quản lý thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phối hợp lực lượng giáo dục, điều kiện hỗ trợ tổ chức và công tác đánh giá kết quả hoạt động GDHN cho HS THPT trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Phương pháp và mẫu khảo sát*: Sử dụng phương pháp điều tra bảng hỏi để thu thập dữ liệu trên nhóm mẫu khảo sát bao gồm: 65 CBQL (Hiệu trưởng, Hiệu phó; Tổ trưởng chuyên môn; Bí thư Đoàn TNCSHCM); 140 GV tại 3 trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận: Trường THPT Hùng Vương; THPT Đức Linh; THPT Quang Trung.

- *Công cụ khảo sát*: Sử dụng Bảng hỏi khảo sát dành cho CBQL và GV. Nội dung chính của phiếu hỏi gồm 2 phần chính: Phần A. Thông tin cá nhân (các câu hỏi về đơn vị công tác, vị trí công việc); Phần B. Nội dung khảo sát (câu hỏi thiết kế theo thang đo Likert 5 bậc, khảo sát mức độ thực hiện/hiệu quả quản lý về mục tiêu; nội dung; phương pháp; hình thức; phối hợp các LLGD; điều kiện hỗ trợ; đánh giá kết quả hoạt động GDHN cho HS các trường THPT).

- *Xử lý số liệu và quy ước xử lý số liệu khảo sát bằng bảng hỏi*: Quy ước thang đo như sau: Rất thường xuyên/Tốt ($4.20 \leq M \leq 5.0$); Thường xuyên/Khá ($3.40 \leq M < 4.20$); Bình thường/Trung bình ($2.60 \leq M < 3.40$); Ít thực hiện/Yếu ($1.80 \leq M < 2.60$); Không thực hiện/Kém ($1.0 \leq M < 1.80$). Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS, với các chỉ số sau: M (Điểm trung bình), SD (Độ lệch chuẩn), kiểm định t-test độc lập (Independent Sample T-Test) và r (Hệ số tương quan Pearson).

Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính nhằm xử lý các thông tin thu thập được từ phương pháp phỏng vấn trong quá trình nghiên cứu. Lựa chọn ngẫu nhiên 6 CBQL và 6 GV ở các trường THPT trên địa bàn nghiên cứu để tiến hành phỏng vấn. Nội dung phỏng vấn về những khó khăn, thuận lợi và nguyên nhân của thực trạng quản lý các thành tố hoạt động GDHN cho HS các trường THPT. Quy ước mã hóa danh mục CBQL và GV tham gia phỏng vấn theo 6 trường THCS được khảo sát (Từ 1CBQL1-6CBQL6;

1GV1-6GV6). Chọn lọc các ý kiến, thống kê theo từng mục với trình tự có ý nghĩa, biên tập lại thành những phát biểu tương đồng trong các nhóm đối tượng, đủ nghĩa để trích dẫn.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Bảng 1. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu GDHN cho HS

TT	Quản lý mục tiêu GDHN	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Phổ biến văn bản, tài liệu liên quan để định hướng xác định mục tiêu hoạt động GDHN cho HS THPT	3.83	1.01	3	4.03	0.87	2	0.16*
2	Tổ chức xác định mục tiêu hoạt động GDHN cho HS	4.12	1.00	1	3.85	0.92	5	0.09
3	Tổ chức và chỉ đạo thực hiện mục tiêu hoạt động GDHN	3.74	0.90	5	3.91	0.94	4	0.13
4	KT-ĐG thực hiện mục tiêu hoạt động GDHN cho HS	3.97	0.83	2	3.95	0.73	3	0.19**
5	Rà soát, điều chỉnh mục tiêu hoạt động GDHN cho HS	3.76	0.88	4	4.13	0.75	1	0.20**
Chung		3.88 (SD=0.95)			3.77 (SD=0.87)			0.18*

* Ghi chú: $1 \leq M \leq 5$; M: Điểm trung bình; SD: Độ lệch chuẩn; TB: Thứ bậc; r: Hệ số tương quan giữa mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả; **: $p < 0.01$

Kết quả tại bảng 1 cho thấy, xét về tổng thể thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu GDHN cho HS THPT được CBQL và GV đánh giá với mức độ “thường xuyên” thực hiện (**M = 3.88**) và hiệu quả mức “khá” (**M = 3.77**). Tuy vậy, xét về tính hiệu quả, ĐTB hiệu quả thấp ĐTB thực hiện, điều đó thể hiện công tác quản lý thực hiện mục tiêu GDHN vẫn còn những bất cập, hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý. Trong đó, tiêu chí có mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả được đánh giá thấp nhất đó là: *Tổ chức và chỉ đạo thực hiện mục tiêu hoạt động GDHN*. Đáng chú ý, tiêu chí *Rà soát, điều chỉnh mục tiêu hoạt động GDHN cho HS* thực hiện ở mức thường xuyên thấp hơn nhưng hiệu quả ở mức cao hơn so với các tiêu chí khác (M thực hiện = **3.76**; TB 4; M hiệu quả = **4.13**, TB 1). Ngược lại, tiêu chí *Tổ chức xác định mục tiêu hoạt động GDHN cho HS* được đánh giá thực hiện thường xuyên ở mức cao hơn nhưng hiệu quả ở mức thấp nhất (M thực hiện = **4.12**; TB 1; M hiệu quả = **3.85**, TB 5). Điều này cho thấy có thể có những nguyên nhân ảnh hưởng hạn chế trong quá trình xác định mục tiêu GDHN cho HS. Kết quả phỏng vấn cho thấy, việc tổ chức xác định mục tiêu GDHN cho HS ở nhà trường còn chưa hiệu quả dẫn đến mục tiêu GDHN cho HS còn chung chung, chưa gắn liền với thực tiễn nhu cầu của HS các khối lớp (2GV4; 3GV6). Vì vậy, mục tiêu hoạt động GDHN cần cụ thể và xác định rõ ràng thời gian thực hiện, tránh lãng phí thời gian và nguồn lực vào những lĩnh vực không phù hợp (1CBQL3; 2GV5; 3HS6).

Đánh giá mối quan hệ tương quan giữa mức độ thực hiện và hiệu quả quản lý mục tiêu GDHN cho HS THPT trên địa bàn nghiên cứu cho thấy, các chỉ báo thể hiện mức tương quan thuận ($r = 0.16 - 0.20$, $p < 0.05$, $p < 0.01$). Vì vậy, các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận càng quan tâm thực hiện thường xuyên các nội dung cụ thể trong quản lý mục tiêu GDHN thì hiệu quả mang lại càng cao. Tuy vậy, hai chỉ báo không báo cáo mối quan hệ tương quan đó là: *Tổ chức xác định mục tiêu hoạt động GDHN cho HS*; *Rà soát, điều chỉnh mục tiêu hoạt động GDHN*. *Kết quả này định hướng cho CBQL các trường THPT trên địa bàn cần chú trọng* tổ chức xây dựng mục tiêu, thường xuyên rà soát, đánh giá lại mục tiêu để đề xuất việc sửa đổi, bổ sung mục tiêu phù hợp với nhu cầu GDHN của HS, mục tiêu giáo dục THPT và yêu cầu về nguồn nhân lực của sự phát triển liên tục của nền kinh tế - xã hội.

3.2. Thực trạng quản lý thực hiện nội dung giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Kết quả khảo sát tại bảng 2 cho thấy, công tác quản lý thực hiện nội dung GDHN cho HS các trường THPT được CBQL và GV đánh giá thực hiện ở mức độ “thường xuyên” (**M = 3.90**) và hiệu quả ở mức “khá” (**M = 3.77**). Xét về tổng thể, ĐTB hiệu quả thấp hơn so với ĐTB thực hiện. Điều đó thể hiện những điểm hạn chế nhất định trong công tác quản lý thực hiện nội dung GDHN cho HS ở các trường THPT trên địa bàn. Trong 5 tiêu chí khảo sát, tiêu chí có mức độ thực hiện và hiệu quả thấp nhất là: *Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ GV thực hiện nội dung GDHN cho HS*; *KT-ĐG thực hiện nội dung GDHN cho HS*. Đáng chú ý, việc *Tổ chức phối hợp các LLGD ngoài nhà trường* được đánh giá thực hiện ở mức độ thường xuyên cao nhất nhưng hiệu quả ở mức thấp hơn so với các chỉ báo khác (M thực hiện = **4.00**; TB 1; M hiệu quả = **3.74**, TB 4). Ý kiến phỏng vấn từ CBQL và GV cho rằng, công tác bồi dưỡng GV thực hiện GDHN tuy được thực hiện nhưng chưa mang lại hiệu quả tích cực trong phát triển năng lực tổ chức hoạt động GDHN (2CBQL6; 3GV10). Nhà trường vẫn chưa phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, thu hút sự tham gia của các bên liên quan hỗ trợ về tài lực, vật

lực, nhân lực... để thực hiện các nội dung GDHN cho HS (1GV3; 2CBQL6).

Bảng 2. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng quản lý thực hiện nội dung GDHN cho HS

TT	Quản lý thực hiện nội dung GDHN	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung/chủ đề GDHN cho HS	3.98	0.80	2	3.91	0.81	1	0.24**
2	Tổ chức thực hiện chủ đề GDHN cho HS phù hợp với các hình thức giáo dục ở nhà trường	3.91	0.91	3	3.80	0.69	2	0.30**
3	Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ GV trong nhà trường thực hiện nội dung GDHN cho HS	3.80	0.83	5	3.67	0.90	5	0.28**
4	KT-ĐG thực hiện nội dung GDHN cho HS	3.87	1.00	4	3.75	0.77	3	0.35**
5	Tổ chức phối hợp LLGD ngoài nhà trường trong thực hiện nội dung GDHN cho HS	4.00	0.75	1	3.74	0.76	4	0.29**
Chung		3.90 (SD=0.89)			3.77 (SD=0.78)			0.26**

Xem xét mối liên hệ tương quan giữa các nội dung khảo sát cho thấy, trong từng tiêu chí quản lý thực hiện nội dung GDHN cho HS, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả cùng biến thiên theo 1 hướng, thể hiện mức tương quan chặt chẽ ($r = 0.24 - 0.35$, $p < 0.01$). Vì vậy, CBQL trường THPT càng quan tâm thực hiện thường xuyên quản lý nội dung GDHN cho HS thì hiệu quả quản lý nội dung GDHN càng cao. Như vậy, công tác quản lý nội dung GDHN cho HS các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận đã được CBQL quan tâm thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả mức khá, tuy nhiên, cần tăng cường hoạt động bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động GDHN cho đội ngũ GV; tích cực KT-ĐG việc thực hiện nội dung GDHN; tổ chức phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường để huy động, khai thác, bố trí hợp lý và kịp thời các nguồn lực để thực hiện hoạt động GDHN cho HS mang lại hiệu quả hơn trong công tác quản lý thực hiện nội dung GDHN cho HS.

3.3. *Thực trạng quản lý thực hiện phương pháp giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận*

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng quản lý thực hiện phương pháp tổ chức GDHN

TT	Quản lý thực hiện phương pháp GDHN	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Phổ biến yêu cầu GV sử dụng PPGD theo định hướng phát triển PC&NL hướng nghiệp cho HS	3.77	0.75	4	3.83	0.84	4	0.25**
2	Tổ chức hướng dẫn GV sử dụng PPGD theo định hướng phát triển PC&NL hướng nghiệp cho HS	4.35	0.74	1	3.94	0.79	2	0.11*
3	Tổ chức bồi dưỡng cho GV năng lực sử dụng PPGD theo định hướng phát triển PC&NL hướng nghiệp cho HS	4.05	0.72	2	4.14	0.78	1	0.17*
4	Chỉ đạo, đôn đốc GV thực hiện PPGD theo định hướng phát triển PC&NL hướng nghiệp cho HS	3.90	0.76	3	3.85	0.91	3	0.25**
5	KT-ĐG thực hiện PPGD theo định hướng phát triển PC&NL hướng nghiệp cho HS	3.76	0.71	5	3.82	0.77	5	0.29**
Chung		3.97 (SD=0.75)			3.92 (SD=0.80)			0.26*

Tổng hợp phân tích thống kê tại bảng 3 cho thấy, quản lý thực hiện phương pháp GDHN cho HS các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được CBQL và GV nhận định mức độ thực hiện “thường xuyên” ($M = 3.74 - 3.84$) và hiệu quả ở mức “khá” và “tốt” ($M = 3.72 - 4.21$). Các nội dung quản lý thực hiện phương pháp GDHN cho thấy sự tương đồng nhất định về thứ bậc thực hiện và hiệu quả thực hiện. Nhìn chung tổng thể, xét về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện, kết quả báo cáo ĐTB hiệu quả thấp hơn so với ĐTB thực hiện. Trong đó, tiêu chí thể hiện mức độ thực hiện và hiệu quả thấp nhất là: *Phổ biến yêu cầu GV sử dụng phương pháp GDHN theo định hướng phát triển PC&NL hướng nghiệp HS* và *KT-ĐG thực hiện phương pháp GDHN theo định hướng phát triển PC&NL hướng nghiệp cho HS*. Tổng hợp kết quả phỏng vấn CBQL và GV cho thấy, việc định hướng cho đội ngũ GV sử dụng PPGD tích cực đã được phổ biến, đề cập đến trong các hoạt động sinh hoạt TCM, tuy vậy chưa được cụ thể trong hoạt động GDHN (3CBQL9; 2GV5), đồng thời chưa thống nhất đồng bộ với việc xác định mục tiêu, nội dung, hình thức giáo dục và hoạt động KT-ĐG kết quả GDHN theo định hướng phát triển PC&NL HS (1CBQL1; 2CBQL6).

Kiểm định mối quan hệ tương quan chỉ rõ mối tương quan thuận chặt chẽ giữa tất cả các nội dung đánh giá ($r = 0.11 - 0.29$, $p > 0.01$, $p > 0.05$). Kết quả này chứng tỏ rằng, trường THPT càng quan tâm thực hiện

thường xuyên các nội dung quản lý thực hiện phương pháp tổ chức GDHN cho HS thì sẽ mang lại hiệu quả tích cực. Từ kết quả khảo sát, chúng tôi cho rằng, nhà quản lý trường THPT trên địa bàn nghiên cứu cần quan tâm định hướng và thống nhất đồng bộ với việc xác định mục tiêu, nội dung, hình thức giáo dục và hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả GDHN nhằm hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực định hướng nghề nghiệp cho HS ở nhà trường trong GDHN.

3.4. Thực trạng quản lý thực hiện hình thức tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng quản lý thực hiện hình thức GDHN cho HS

TT	Quản lý thực hiện hình thức GDHN	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Lập kế hoạch tổ chức hình thức GDHN phù hợp nội dung GDHN và điều kiện nhà trường	3.88	0.75	5	3.73	0.83	5	0.16*
2	Điều hành các bộ phận, cá nhân thực hiện hình thức GDHN	3.92	0.83	4	3.77	0.89	4	0.23**
3	Phân bổ, huy động nguồn lực thực hiện hình thức GDHN	3.95	0.80	2	3.99	0.89	1	0.34**
4	Đôn đốc các bộ phận, cá nhân thực hiện hình thức GDHN cho HS phù hợp thực tiễn nhà trường	3.81	0.83	6	3.96	0.83	2	0.35**
5	Giám sát, điều chỉnh hình thức GDHN cho HS phù hợp với điều kiện nhà trường	4.17	0.82	1	3.72	0.83	6	0.24**
6	Đánh giá hiệu quả hình thành PC&NL định hướng nghề nghiệp của các hình thức GDHN	3.94	0.78	3	3.88	0.75	3	0.28**
Chung		3.95 (SD=0.80)			3.84 (SD=0.88)			0.30**

Số liệu tại bảng 4 cho thấy, công tác quản lý thực hiện hình thức GDHN cho HS các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được CBQL và GV nhận định mức độ thực hiện “thường xuyên” ($M = 3.81 - 4.17$) và hiệu quả ở mức “khá” ($M = 3.72 - 3.99$). Có sự tương đồng nhất định về thứ bậc thực hiện và hiệu quả. Xét về tổng thể, kết quả báo cáo ĐTB của hiệu quả thấp hơn so với ĐTB thực hiện, thể hiện sự hạn chế quản lý thực hiện hình thức GDHN cho HS. Xét trên từng tiêu chí đánh giá, tiêu chí có mức độ thực hiện và hiệu quả cao hơn là: *Phân bổ, huy động nguồn lực thực hiện hình thức GDHN cho HS; Đánh giá hiệu quả hình thành PC&NL định hướng nghề nghiệp của các hình thức GDHN*. Số liệu cũng cho thấy việc *Giám sát, điều chỉnh hình thức tổ chức GDHN cho HS phù hợp với điều kiện của nhà trường* được đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên cao hơn nhưng hiệu quả ở mức thấp nhất (M thực hiện = **4.17**; TB 1; M hiệu quả = **3.72**, TB 6). Ngược lại, việc *Đôn đốc các bộ phận, cá nhân thực hiện hình thức GDHN cho HS* thể hiện mức độ thực hiện thường xuyên thấp hơn nhưng hiệu quả cao hơn (M thực hiện = **3.81**; TB 6; M hiệu quả = **2.96**, TB 2). Phỏng vấn từ CBQL và GV cho thấy, kế hoạch GDHN cho HS nằm trong kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường, trên cơ sở đó, nhà trường phân công nhiệm vụ cho các bộ phận, cá nhân liên quan như TCM, Đoàn THNCSHM xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng chuyên đề GDHN; xác định các hình thức GDHN, tuy vậy thiếu sự thống nhất và đồng bộ trong quá trình thực hiện (1CBQL1; 2GV4). Khâu kiểm tra, giám sát thực hiện hình thức vẫn chưa khoa học (3GV9; 3CBQL10).

Xem xét mối liên hệ tương quan giữa các nội dung khảo sát cho thấy, mức độ thường xuyên và hiệu quả của từng tiêu chí quản lý thực hiện hình thức tổ chức GDHN cho HS thể hiện mức tương quan thuận ($r = 0.16 - 0.35$, $p < 0.01$, $p < 0.05$). Vì vậy, các trường THPT các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận càng quan tâm thực hiện thường xuyên các nội dung trong quản lý hình thức tổ chức GDHN cho HS các trường THPT thì càng mang lại hiệu quả tích cực. Nhìn chung, công tác quản lý hình thức tổ chức GDHN cho HS các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận đã được quan tâm thực hiện và khá hiệu quả, tuy nhiên, nhà quản lý trường THPT cần chú trọng điều hành; giám sát, đánh giá thực hiện hình thức GDHN cho HS phù hợp mục tiêu, nội dung GDHN và điều kiện thực tiễn của nhà trường.

3.5. Thực trạng quản lý phối hợp lực lượng tham gia giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Tổng hợp phân tích thống kê tại bảng 5 cho thấy, quản lý phối hợp lực lượng tham gia GDHN cho HS các trường THPT trên địa bàn được CBQL và GV nhận định mức độ thực hiện “thường xuyên” ($M = 3.76$) và hiệu quả ở mức “khá” ($M = 3.67$). Các nội dung cụ thể trong quản lý phối hợp lực lượng tham gia hoạt động GDHN cho HS cho thấy sự tương đồng nhất định về thứ bậc thực hiện và hiệu quả thực hiện. Trong đó, các nội dung đánh giá thực hiện thường xuyên và hiệu quả hơn là: *Tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp lực lượng tham gia GDHN; Xác định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng lực lượng tham gia GDHN cho HS*. Nội dung thực hiện ít thường xuyên và hiệu quả hơn so với các nội dung khác thể hiện ở khía cạnh: *Kế hoạch hóa phối hợp lực lượng tham gia tổ chức GDHN cho HS và Điều chỉnh các hoạt động phối hợp đúng*

mục tiêu, quy định của trường học và cơ quan quản lý. Tổng hợp kết quả phỏng vấn CBQL và GV các trường THPT trên địa bàn nghiên cứu cho thấy, việc huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường tham gia tổ chức hoạt động GDHN cho HS được nhà trường quan tâm thực hiện nhưng chỉ mang tính đơn lẻ khi tổ chức các chủ đề GDHN chứ chưa được thực hiện trên cơ sở kế hoạch được xây dựng mang tính hệ thống, khoa học (1CBQL3; 3GV8). Nhìn chung, xét về tính hiệu quả, ĐTB của hiệu quả thấp hơn so với ĐTB thực hiện, điều này cho thấy những sự hạn chế, bất cập trong công tác quản lý phối hợp lực lượng tham gia GDHN cho HS các trường THPT trên địa bàn.

Bảng 5. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng quản lý phối hợp lực lượng tham gia GDHN cho HS

TT	Quản lý phối hợp lực lượng tham gia GDHN	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Kế hoạch hóa phối hợp lực lượng tham gia tổ chức GDHN cho HS	3.69	0.83	5	3.65	0.74	5	0.32**
2	Tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp lực lượng tham gia GDHN	3.84	0.71	1	3.91	0.83	2	0.33**
3	Xác định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng lực lượng tham gia GDHN cho HS	3.82	0.78	2	4.00	0.82	1	0.15*
4	Điều hành, hướng dẫn, hỗ trợ các bộ phận, cá nhân thực hiện trách nhiệm trong phối hợp tổ chức GDHN cho HS	3.80	0.80	3	3.85	0.88	3	0.21**
5	KT-ĐG việc phối hợp các lực lượng tham gia tổ chức GDHN	3.82	0.79	2	3.85	0.87	3	0.37**
6	Điều chỉnh hoạt động phối hợp đúng mục tiêu, quy định của trường học và cơ quan quản lý	3.57	0.98	6	3.74	0.70	4	0.25**
Chung		3.76 (SD=0.78)			3.67 (SD=0.85)			0.33**

Xem xét mối tương quan giữa các nội dung khảo sát tại bảng 5 cho thấy, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả của từng tiêu chí quản lý phối hợp lực lượng tham gia hoạt động GDHN cho HS các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận thể hiện mối tương quan thuận chặt chẽ giữa tất cả các nội dung đánh giá ($r = 0.165-0.37$, $p < 0.01$, $p < 0.05$). Kết quả này chứng tỏ rằng, trường THPT càng quan tâm thực hiện thường xuyên các nội dung cụ thể trong quản lý phối hợp lực lượng tham gia hoạt động GDHN cho HS thì sẽ mang lại hiệu quả tích cực. Từ kết quả khảo sát, chúng tôi cho rằng, nhà quản lý trường THPT trên địa bàn nghiên cứu cần chú trọng lập kế hoạch; điều hành; giám sát, đánh giá thực hiện các hoạt động phối hợp lực lượng tham gia GDHN cho HS để tạo nên một tổng thể tích cực cho việc hình thành, trải nghiệm và nâng cao chất lượng GDHN cho HS.

3.6. Thực trạng quản lý điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Tổng hợp kết quả phân tích thống kê tại bảng 6 cho thấy, CBQL và GV đánh giá thực trạng quản lý điều kiện tổ chức hoạt động GDHN cho HS ở các trường THPT ở mức độ “thường xuyên” (**M = 3.76**), đồng thời đánh giá hiệu quả của các chỉ báo ở mức “khá” (**M = 3.99**). Có sự tương đồng nhất định về thứ bậc thực hiện và hiệu quả thực hiện các nội dung cụ thể trong quản lý điều kiện tổ chức hoạt động GDHN cho HS. Xét về tổng thể, ĐTB hiệu quả cao hơn so với ĐTB thực hiện. Điều đó thể hiện những điểm tích cực trong quản lý điều kiện tổ chức hoạt động GDHN cho HS ở các trường THPT trên địa bàn. Trong đó, các nội dung thực hiện ở mức thường xuyên nhưng hiệu quả hơn so với các nội dung khác là nhà trường *Ban hành các văn bản quy định về khai thác, sử dụng và huy động nguồn lực, điều kiện phục vụ GDHN cho HS; Phân bổ và hướng dẫn sử dụng phòng học, hệ thống thư viện, phương tiện, thiết bị; tư liệu, tài liệu về GDHN cho GV, HS; Chỉ đạo thực hiện khai thác, sử dụng CSV, trang thiết bị phục vụ thực hiện nội dung, hình thức GDHN cho HS*. Các nội dung được đánh giá là thực hiện thường và hiệu quả thấp hơn đó là: *Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng và huy động các nguồn lực, điều kiện phục vụ GDHN cho HS; KT-ĐG quá trình khai thác, sử dụng, phân bổ các nguồn lực CSV, tài chính, thời gian, hệ thống thông tin... phục vụ GDHN cho HS; Phân bổ nguồn lực tài chính dành cho hoạt động GDHN*. Kết quả này có sự thống nhất với đánh giá của CBQL và GV về thực trạng điều kiện tổ chức hoạt động GDHN cho HS ở các trường THPT, thực tiễn những khó khăn, hạn chế về các điều kiện cụ thể trong tổ chức hoạt động GDHN cho HS có thể là nguyên nhân dẫn đến những hạn chế khi thực hiện quản lý. Ý kiến phỏng vấn của CBQL và GV về vấn đề này cho thấy, Các điều kiện về nguồn kinh phí dành cho hoạt động GDHN cho HS ở nhà trường còn hạn hẹp; hệ thống CSV, thiết bị tổ chức hoạt động GDHN còn hạn chế, trong khi HS có nhu cầu được học tập, GDHN (1GV1; 2GV5; 3GV7); tuy vậy, khâu xây dựng kế hoạch của nhà trường hiện nay vẫn chưa mang lại hiệu quả, các bước xây dựng kế hoạch thiếu chặt chẽ và phát huy sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan như TCM, GV,

nhân viên,... để hoàn thiện kế hoạch (1CBQL1; 2CBQL5; 3GV8).

Bảng 6. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng quản lý điều kiện tổ chức hoạt động GDHN cho HS

TT	Quản lý điều kiện tổ chức hoạt động GDHN	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng và huy động nguồn lực, điều kiện phục vụ GDHN cho HS	3.60	0.83	6	3.82	0.87	6	0.26**
2	Phân bổ và hướng dẫn sử dụng phòng học, hệ thống thư viện, phương tiện, thiết bị; tư liệu, tài liệu về GDHN cho GV, HS	3.84	0.80	2	4.20	0.74	1	0.30**
3	Ban hành các văn bản quy định về khai thác, sử dụng và huy động nguồn lực, điều kiện phục vụ GDHN cho HS	3.86	0.86	1	4.07	0.82	2	0.13**
4	Chỉ đạo thực hiện khai thác, sử dụng CSVC, trang thiết bị phục vụ thực hiện nội dung, hình thức GDHN cho HS	3.79	0.81	3	4.03	0.92	3	0.14*
5	Phân bổ thời gian/thời lượng hoạt động GDHN phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường	3.79	0.77	3	3.92	0.80	5	0.10**
6	Phân bổ nguồn lực tài chính, kinh phí dành cho hoạt động GDHN	3.73	0.82	4	4.00	0.84	4	0.09*
7	KT-ĐG quá trình khai thác, sử dụng, phân bổ các nguồn lực CSVC, tài chính, thời gian, hệ thống thông tin... phục vụ GDHN	3.72	0.83	5	3.92	0.80	5	0.29**
Chung		3.76 (SD=0.85)			3.99 (SD=0.85)			0.25*

Kết quả kiểm nghiệm tương quan chỉ rõ trong từng tiêu chí đánh giá, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả có mức tương quan chặt chẽ (các trị số điểm tương quan (r) trong khoảng 0.09 - 0.30, $p < 0.01$, $p < 0.01$). Kết quả này chứng tỏ rằng, trường THPT càng quan tâm thực hiện quản lý điều kiện tổ chức hoạt động GDHN cho HS thường xuyên thì hiệu quả của công tác này càng cao. Từ kết quả khảo sát này, chúng tôi cho rằng, nhà quản lý trường THPT trên địa bàn nghiên cứu cần tăng cường bảo đảm các điều kiện điều kiện tổ chức hoạt động GDHN cho HS thông qua thực hiện chặt chẽ, khoa học hơn về chức năng quản lý, từ Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng và huy động các nguồn lực, điều kiện phục vụ GDHN cho HS; Tổ chức - Chỉ đạo Chỉ đạo thực hiện khai thác, sử dụng CSVC, trang thiết bị phục vụ thực hiện nội dung, hình thức GDHN cho HS và KT-ĐG quá trình khai thác, sử dụng, phân bổ các nguồn lực CSVC, tài chính, thời gian, hệ thống thông tin... phục vụ GDHN cho HS.

3.7. Thực trạng quản lý đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Bảng 7. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng quản lý công tác đánh giá kết quả GDHN cho HS

TT	Quản lý đánh giá kết quả GDHN	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả GDHN cho HS	3.80	0.79	4	3.75	0.80	3	0.25**
2	Tổ chức đánh giá hoạt động GDHN cho HS	3.87	0.79	2	3.90	0.88	2	0.28**
3	Chỉ đạo thực hiện hình thức, phương pháp đánh giá hoạt động GDHN cho HS	3.79	0.77	5	3.74	0.78	4	0.42**
4	Khảo sát sự hài lòng của CMHS và các lực lượng tham gia về hoạt động GDHN	4.03	0.87	1	3.92	0.72	1	0.29**
5	Tổng kết, rút kinh nghiệm về GDHN cho HS	3.76	0.85	6	3.72	0.81	5	0.53**
6	Chính sách khen thưởng đội ngũ GV có những thành tích trong GDHN cho HS	3.82	0.79	3	3.92	0.84	1	0.39**
Chung		3.85 (SD=0.78)			3.82 (SD=0.83)			0.42*

Tổng hợp kết quả khảo sát tại bảng 7 cho thấy, các nội dung quản lý công tác công tác đánh giá kết quả GDHN cho HS các trường THPT được CBQL và GV đánh giá thực hiện ở mức độ thực hiện thường xuyên (**M = 3.85**) và hiệu quả ở mức khá (**M = 3.82**). Nhìn chung tổng thể, xét về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện, kết quả báo cáo ĐTB hiệu quả thấp hơn so với ĐTB thực hiện, tuy nhiên mức chênh lệch không đáng kể. Nội dung được đánh giá thực hiện thường xuyên và hiệu quả hơn so với so với các nội dung khác là: *Khảo sát về sự hài lòng của CMHS và các lực lượng về hoạt động GDHN; Tổ chức đánh giá hoạt động GDHN*. Nội dung được đánh giá thực hiện thường xuyên và hiệu quả thấp hơn là: *Tổng kết, rút kinh nghiệm về các hoạt động GDHN; Chỉ đạo thực hiện hình thức, phương pháp đánh giá hoạt động GDHN cho HS*.

Xem xét mối liên hệ tương quan trong từng nội dung khảo sát, mức độ thực hiện và tính hiệu quả thể hiện mức tương quan chặt chẽ ($r = 0.25 - 0.53, p < 0.01$). Vì vậy, trường THPT càng quan tâm thực hiện thường xuyên các nội dung quản lý KT-ĐG hoạt động GDHN cho HS thì hiệu quả càng cao. Thực trạng nêu trên cho thấy, CBQL nhà trường cần có những biện pháp đổi mới trong quản lý KT-ĐG để mang lại hiệu quả thiết thực, tránh hình thức trong KT-ĐG.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, thực trạng quản lý các thành tố hoạt động GDHN cho HS ở các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (quản lý thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, các lực lượng tham gia, điều kiện tổ chức, KT-ĐG hoạt động GDHN cho HS) ở các trường THPT phổ biến ở mức độ “thường xuyên” thực hiện và hiệu quả ở mức “khá”. Tuy nhiên, trong 7 thành tố khảo sát, chỉ có công tác quản lý điều kiện tổ chức hoạt động GDHN cho HS có ĐTB hiệu quả cao hơn ĐTB thực hiện, các thành tố còn lại có ĐTB chung hiệu quả thấp hơn ĐTB chung mức độ thực hiện. Kết quả này chứng tỏ rằng, vẫn còn những khó khăn, hạn chế, bất cập trong công tác quản lý hoạt động GDHN cho HS ở các trường THPT huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu định hướng các biện pháp quản lý hoạt động GDHN cho HS ở các trường THPT trên địa bàn nghiên cứu, bao gồm: (1) Chú trọng công tác tổ chức và chỉ đạo thực hiện thường xuyên nội dung GDHN cho HS phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng nhà trường và định hướng nghề nghiệp của HS THPT; (2) Chỉ đạo tích cực đổi mới sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động GDHN theo hướng tích cực hóa và phát huy vai trò chủ động của HS THPT; (3) Tổ chức triển khai công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động GDHN của đội ngũ GV về kỹ năng tổ chức hoạt động GDHN cho HS THPT; (4) Xây dựng môi trường và đảm bảo các điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động GDHN cho HS THPT; (5) Tổ chức hoạt động phối hợp giữa các LLGD trong và ngoài nhà trường trong hoạt động GDHN cho HS THPT. Các biện pháp có mối quan hệ chặt chẽ, thực hiện trong sự thống nhất, đồng bộ và áp dụng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của trường THPT, nhu cầu GDHN của HS và yêu cầu nguồn nhân lực của xã hội để phát huy ý nghĩa và mang lại hiệu quả cho công tác quản lý hoạt động GDHN cho HS ở các trường THPT trên địa bàn nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ado, A. I. (2018). Career guidance, participation of students and its implication for Kano, Nigeria. *Malaysian Online Journal of Educational Sciences*, 1(3), 14–19.
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, khóa XI. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018). Hà Nội.
- Bùi, T. T. H. (2023). Quản lý hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh ở trường trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục*, 38(2).
- Bùi, V. P. (2009). *Tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo tinh thần xã hội hóa* (Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Giáo dục, Hà Nội).
- Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (2018). *Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 về phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018–2025”*.
- Đặng, D. Á. (2010). *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*. NXB Văn hóa Thông tin.
- Gati, I., Gadassi, R., & Mashiah-Cohen, R. (2012). Career decision-making profiles vs. styles: Convergent and incremental validity. *Journal of Vocational Behavior*, 81(1), 2–16. <https://doi.org/10.1016/j.jvb.2012.03.004>
- Herr, E. L., & Cramer, S. H. (1996). *Career guidance and counseling across the life course: A systematic approach*. HarperCollins.
- Nguyễn, N. A. (2017). Đổi mới quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học cơ sở trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*.
- Nguyễn, V. H., & Nguyễn, T. T. H. (2006). *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp và giảng dạy kỹ thuật trong trường trung học phổ thông*. NXB Giáo dục.
- Trần, P. H. (2024). Những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục hướng nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông vùng đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí điện tử Giáo chức Việt Nam*. Truy cập ngày 20 tháng 8, 2024, từ <https://tapchigiaochuc.com.vn/nhung-yeu-to-anh-huong-den-giao-duc-huong-nghiep-cho-hoc-sinh-cac-truong-trung-hoc-pho-thong-vung-dong-bang-song-cuu-long-dap-ung-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-2018.html>

Trần, T. V. H. (2017). *Cách mạng công nghiệp 4.0 – Vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.

Trần, V. L., & Tô, P. H. (2023). Quản lý hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở các trường trung học cơ sở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. *Journal of Educational Equipment: Education Management*, 302(1).

Research on the current status of management of vocational guidance education activities for students in high schools in Duc Linh district, Binh Thuan province

Pham Truong Khanh

Hung Vuong High School, Duc Linh District, Binh Thuan Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 13 October 2024

Received in revised form: 25 December 2024

Accepted: 27 December 2024

Published: 20 December 2025

Keywords:

Management;

Activities;

Career guidance education;

Students;

High school.

Corresponding author:

Pham Truong Khanh

E-mail address:

phamtruongkhanh@gmail.com

ABSTRACT

The article presents the results of a study on the current status of vocational education management (VEM) for students in high schools in Duc Linh district, Binh Thuan province. To collect data, we used a questionnaire survey method for 65 managers and 140 teachers at three high schools in the study area. The results show that, in general, the current status of vocational education management for students in high schools is commonly implemented at the level of "regular" implementation and the effectiveness is at the level of "fair". Only the management of conditions for organizing VEM for students achieved a higher average effectiveness than the level of implementation. On the contrary, the management of the remaining elements had a lower average in effectiveness than the level of implementation. This result demonstrates that there are still limitations and inadequacies in managing VEM activities for students in high schools in the area. On that basis, the study proposes measures to manage vocational education activities for students at high schools, ensuring consistency, synchronization and suitability with the characteristics of the school, the career guidance needs of students, as well as the human resource requirements of society, in order to optimize the effectiveness and significance of vocational education management.
